

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2026/HS-PT
Ngày: 28/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, bà Phạm Thị Thanh T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Huỳnh Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2026/HS – ST ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Văn T1, sinh năm 1970; Nơi cư trú: 3 khu V, phường C, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Huỳnh Văn K, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Phan Thị X, sinh năm 1945 (đã chết). Anh chị em ruột: 01 người, sinh năm 1960; vợ Lê Thị K1, sinh năm 1971, Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn T1 là người không có nghề nghiệp ổn định, ngày 09/9/2024 Huỳnh Văn T1 đến nhà của ông Huỳnh Văn C tại số D, đường L, khu V B, phường C, thành phố Cần Thơ để chơi thì gặp bà Phan Thị Ngọc D con dâu của ông C.

Trong quá trình nói chuyện D hỏi T1 có thể làm giúp D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở An Giang (cũ) được không. T1 nói T1 có quen với mấy người làm ở Văn phòng một cửa ở tỉnh An Giang (cũ) và T1 nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D với giá 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, T1 đã dùng lời lẽ gian dối như để lót đường, đóng thuế trước bạ...để yêu cầu bà D đưa tiền nhiều lần, tổng cộng 06 lần, với tổng số tiền là 11.600.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 09/9/2024, T1 nói với bà D đưa trước 2.000.000 đồng để T1 lót đường, bà D đồng ý và đưa tiền mặt cho T1 tại nhà ông C.

Lần 2: Ngày 12/9/2024, T1 điện thoại cho bà D nói đã có người nhận hồ sơ yêu cầu bà D gửi thêm 2.000.000 đồng, bà D đồng ý và kêu T1 đến nhà ông C để nhận 2.000.000 đồng tiền mặt từ ông C.

Lần 3: Ngày 16/9/2024, T1 tiếp tục yêu cầu bà D đưa thêm 2.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà D đồng ý và kêu T1 đến nhà ông C để nhận 2.000.000 đồng tiền mặt từ ông C.

Lần 4: Ngày 25/9/2024, T1 gọi điện yêu cầu bà D đưa 3.100.000 đồng để đóng thuế trước bạ và ra giấy, bà D đã nhờ ông C đưa tiền mặt cho T1 3.100.000 đồng tại nhà ông C.

Lần 5: Ngày 29/9/2024, T1 tiếp tục gọi điện cho bà D yêu cầu đưa thêm 2.000.000 đồng để lo tiền cà phê cho cán bộ làm giấy, bà D đồng ý và trực tiếp đưa tiền mặt cho T1 tại nhà ông C.

Lần 6: Ngày 30/9/2024, T1 yêu cầu bà D đưa thêm 500.000 đồng để cho cán bộ thuế uống cà phê, bà D đồng ý và trực tiếp đưa tiền mặt cho T1 tại nhà ông C.

Qua làm việc Huỳnh Văn T1 thừa nhận do bản thân đang thiếu tiền nên khi nghe bà D nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà D, nên đã dùng lời lẽ gian dối chiếm đoạt số tiền 11.600.000 đồng để tiêu xài cá nhân và tất cả các lần nhận tiền Tài đều nhận tiền mặt từ D và ông C tại nhà của ông C. Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: 01 đĩa DVD bên trong nội dung gồm: 01 clip camera có thời gian 00 phút 16 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 04 phút 10 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 01 phút 51 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 03 phút 24 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 03 phút 19 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 00 phút 37 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 01 phút 36 giây; 01 đoạn ghi âm có thời gian 01 phút 51 giây. Tất cả được lưu tại hồ sơ vụ án (Bút lục số 68). Trong quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Thị Ngọc D yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn T1 trả lại 11.600.000 đồng, đến nay bị cáo chưa thực hiện.

Tại bản án hình sự số 16/2026/HS-ST ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều 107 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 05/02/2026, bị cáo Huỳnh Văn T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về kháng cáo của bị cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Đối chiếu tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 09/9/2024, bị cáo T1 đến nhà ông Huỳnh Văn C tại phường C, thành phố Cần Thơ chơi và gặp bà Phan Thị Ngọc D. Tại đây, bà D nhờ bị cáo T1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại An Giang (cũ). Mặc dù không có khả năng thực hiện, bị cáo T1 vẫn nhận lời và đưa ra thông tin gian dối rằng có quen biết người làm tại cơ quan nhà nước. Bị cáo T1 yêu cầu bà D đưa tiền để “lót đường”, “nộp hồ sơ”, “đóng thuế” và các chi phí khác. Tin tưởng, bà D đã nhiều lần giao tiền cho bị cáo T1, tổng cộng 06 lần với số tiền 11.600.000 đồng. Các lần giao nhận tiền đều diễn ra từ ngày 09/9/2024 đến ngày 30/9/2024 tại nhà ông C, bằng tiền mặt. Sau khi nhận tiền, bị cáo T1 không thực hiện việc làm giấy như đã hứa mà chiếm đoạt toàn bộ để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo T1 đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và mục đích chiếm đoạt tài sản rõ ràng. Hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bằng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội đã gây ra, nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về hoàn cảnh gia đình, thái độ ăn năn, thành khẩn khai báo, vợ bị cáo bị bệnh đau khớp, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thể làm lại cuộc đời.

[4.1] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm áp dụng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần trong khoảng thời gian từ ngày 09/09/2024 đến ngày 30/9/2024. Hành vi phạm tội được thực hiện độc lập, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp Quyết định về việc thờ cúng liệt sĩ Phan Văn N (là anh cô cậu ruột của bị cáo), bản photo nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các lý do mà bị cáo nêu ra không phải là căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là thỏa đáng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2026/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT I;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS KV3 – Cần Thơ;
- CQCSĐT – Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS – Công an thành phố Cần Thơ;
- PHSNV – Công an thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc